SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC THANH KHÊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 467 /QĐ-TTYT

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm trang phục cho viên chức, người lao động năm 2026

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC THANH KHÊ

Căn cứ Quyết định số 352/QĐ-UB ngày 24 tháng 2 năm 1997 của UBND lâm thời thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Trung tâm Y tế quận Thanh Khê;

Căn cứ Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc đổi tên Trung tâm Y tế quận, huyện và phê duyệt phạm vi quản lý của Trung tâm Y tế khu vực trực thuộc Sở Y tế thành phố sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã mới;

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 36/2026/VBHN-NĐ-BTC ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Bộ Tài chính về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 1009/KH-TTYT ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Thanh Khê về việc May trang phục cho viên chức và người lao động năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 433/QĐ-TTYT ngày 08 tháng 9 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Thanh Khê về việc thành lập Tổ xây dựng dự toán mua sắm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói: Mua sắm trang phục cho viên chức, người lao động năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 434/QĐ-TTYT ngày 08 tháng 9 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Thanh Khê về việc thành lập Tổ Thẩm định dự toán và

kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm trang phục cho viên chức, người lao động năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 463/QĐ-TTYT ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Y tế khu vực Thanh Khê về việc phê duyệt dự toán mua sắm: Mua sắm trang phục cho viên chức, người lao động năm 2026;

Căn cứ Tờ trình ngày 28 tháng 9 năm 2026 Tổ xây dựng dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu về việc đề nghị thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm trang phục cho viên chức, người lao động năm 2026;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 02/BC-TTĐ ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Tổ Thẩm định dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu về việc thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm trang phục cho viên chức, người lao động năm 2026;

Theo đề nghị của Tổ trưởng Tổ xây dựng, Tổ Thẩm định mua sắm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm trang phục cho viên chức, người lao động năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm trang phục cho viên chức, người lao động năm 2026 với nội dung chi tiết theo phụ lục I đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trưởng các khoa, phòng và các tổ có liên quan trong đấu thầu chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, HSĐT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC THANH KHÊ

Võ Duy Trinh

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC THANH KHÊ

Phụ lục I

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm trang phục cho viên chức, người lao động năm 2026

(Đính kèm Quyết định số: 467 /QĐ-TTYT ngày 02 tháng 10 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Thanh Khê)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Trung tâm Y tế khu vực Thanh Khê	Mua sắm trang phục cho viên chức, người lao động năm 2026	Mua sắm trang phục cho viên chức, người lao động năm 2026	**191.603.140** VNĐ	Nguồn thu từ dịch vụ khám chữa bệnh, nguồn thu do cơ quan Bảo hiểm xã hội thanh toán và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định tại đơn vị	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn	Một giai đoạn một túi hồ sơ	45 ngày	Tháng 10/2026	Theo đơn giá cố định	60 ngày	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu				**191.603.140** VNĐ *(Bằng chữ: Một trăm chín mươi mốt triệu, sáu trăm lẻ ba nghìn, một trăm bốn mươi đồng).*								

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC THANH KHÊ

Phụ lục II:
Danh mục hàng hóa: Mua sắm trang phục cho viên chức, người lao động năm 2026
(Đính kèm Quyết định số: 467 /QĐ-TTYT ngày 02 tháng 10 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Thanh Khê)

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền (đồng)
1	Trang phục Bác sĩ	Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, phía sau không xẻ, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Mũ theo màu sắc của áo. Chất liệu: - Áo, mũ: Kate Ford. Thành phần vải (%): POLYESTER: 65 Dung sai: ± 2; RAYON/ COTTON: 35 Dung sai ± 2; Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 287 Dung sai ± 2; Ngang (Sợi/10cm) 257 Dung sai ± 2; Khối lượng thực tế (g/m²): 158 Dung sai ± 5; Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 900.2 Dung sai ± 2; Ngang (N): 764.8 Dung sai ± 2; - Quần: vải Kaki lụa Thành phần vải (%): POLYESTER: 75 Dung sai: ± 2; COTTON/ VISCO/RAYON: 23 Dung sai: ± 2; SPANDEX: 2 Dung sai: ± 3; Mật độ: Dọc (Sợi/10cm): 460 Dung sai ± 2; Ngang (Sợi/10cm): 337 Dung sai ± 2; Khối lượng thực tế (g/m²): 248 Dung sai ± 5;	Bộ	105	524.900	55.114.500

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền (đồng)
		Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 1646.7 Dung sai ± 2; Ngang (N): 1059.6 Dung sai ± 2 Màu sắc: Áo màu trắng, quần màu trắng. Kích thước: May đo size số theo từng nhân viên. - In logo Trung tâm Y tế Khu vực Thanh Khê				
2	Trang phục điều dưỡng viên, hộ sinh viên, y sỹ	Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Mũ theo màu sắc của áo. Chất liệu: Áo, mũ, quần: Kate Ford Thành phần vải (%): POLYESTER: 65 Dung sai: ± 2; RAYON/ COTTON: 35 Dung sai ± 2; Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 287 Dung sai ± 2; Ngang (Sợi/10cm) 257 Dung sai ± 2; Khối lượng thực tế (g/m²): 158 Dung sai ± 5; Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 900.2 Dung sai ± 2; Ngang (N): 764.8 Dung sai ± 2; Màu sắc: Áo màu trắng, quần màu trắng. Kích thước: May đo size số theo từng nhân viên. - In logo Trung tâm Y tế Khu vực Thanh Khê.	Bộ	132	437.000	57.684.000
3	Trang phục Kỹ thuật viên	Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Mũ theo màu sắc của áo. Chất liệu: Áo, mũ, quần: Kate Ford Thành phần vải (%): POLYESTER: 65 Dung sai: ± 2; RAYON/	Bộ	44	481.000	21.164.000

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền (đồng)
		COTTON: 35 Dung sai ± 2; Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 287 Dung sai ± 2; Ngang (Sợi/10cm) 257 Dung sai ± 2; Khối lượng thực tế (g/m²): 158 Dung sai ± 5; Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 900.2 Dung sai ± 2; Ngang (N): 764.8 Dung sai ± 2; Màu sắc: Áo màu trắng, quần màu trắng. Kích thước: May đo size số theo từng nhân viên. - In logo Trung tâm Y tế Khu vực Thanh Khê.				
4	Trang phục Dược sĩ	Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Mũ theo màu sắc của áo. Chất liệu: - Áo, mũ: Kate Ford. Thành phần vải (%): POLYESTER: 65 Dung sai: ± 2; RAYON/ COTTON: 35 Dung sai ± 2; Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 287 Dung sai ± 2; Ngang (Sợi/10cm) 257 Dung sai ± 2; Khối lượng thực tế (g/m²): 158 Dung sai ± 5; Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 900.2 Dung sai ± 2; Ngang (N): 764.8 Dung sai ± 2; - Quần: vải Kaki lụa Thành phần vải (%): POLYESTER: 75 Dung sai: ± 2; COTTON/ VISCO/RAYON: 23 Dung sai: ± 2; SPANDEX: 2 Dung sai: ± 3; Mật độ: Dọc (Sợi/10cm): 460 Dung sai ± 2; Ngang (Sợi/10cm): 337 Dung sai ± 2;	Bộ	24	524.900	12.597.600

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền (đồng)
		Khối lượng thực tế (g/m²): 248 Dung sai ± 5; Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 1646.7 Dung sai ± 2; Ngang (N): 1059.6 Dung sai ± 2 Màu sắc: Áo màu trắng, quần màu trắng. Kích thước: May đo size số theo từng nhân viên. - In logo Trung tâm Y tế Khu vực Thanh Khê.				
5	Trang phục Hộ lý	Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông; phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Quần âu 2 ly, 2 túi chéo. Mũ theo màu sắc của áo. Chất liệu: - Áo, quần: vải Kate Ford - Mũ, khẩu trang: vải Kate Ford Thành phần vải (%): POLYESTER: 65 Dung sai: ± 2 COTTON: 35 Dung sai ± 2 Mật độ: Dọc (Sợi/10cm): 287 Dung sai: ± 2; Ngang (Sợi/10cm): 257 Dung sai: ± 2; Khối lượng thực tế (g/m²): 158 Dung sai: ± 5. Màu sắc: Áo, quần, mũ, khẩu trang màu xanh hòa bình. Kích thước: May đo size số theo từng nhân viên. - In logo Trung tâm Y tế Khu vực Thanh Khê.	Bộ	20	481.000	9.620.000
6	Trang phục Nhân viên lái xe cứu thương	Áo kiểu bu dông, cổ đức, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái trên ngực trái. - Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. Chất liệu:	Bộ	04	590.384	2.361.536

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền (đồng)
		- Áo: vải Kate Ford Thành phần vải (%): POLYESTER: 65 Dung sai: ± 2 COTTON: 35 Dung sai ± 2 Mật độ: Dọc (Sợi/10cm): 254 Dung sai: ± 2; Ngang (Sợi/10cm): 274 Dung sai: ± 2; Khối lượng thực tế (g/m²): 161 Dung sai: ± 5; - Quần: vải Kaki lụa Thành phần vải (%): POLYESTER: 74 Dung sai: ± 2 VISCO/ COTTON/RAYON: 22 Dung sai: ± 2 SPANDEX: 4 Dung sai: ± 2 Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 470 Dung sai: ± 2; Ngang (Sợi/10cm) 343 Dung sai: ± 2 Khối lượng thực tế (g/m²): 255 Dung sai: ± 5 Độ bền kéo đứt: Dọc (N) 1494.3 Dung sai: ± 2; Ngang (N) 895.4 Dung sai: ± 2; Màu sắc: Áo , quần màu xanh đen. Kích thước: May đo size số theo từng nhân viên. - In logo Trung tâm Y tế Khu vực Thanh Khê.				
7	Trang phục Nhân viên Bảo vệ	Áo cổ đức, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái trên ngực trái. - Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. - Mũ kiểu kê pi cùng màu với áo. Chất liệu:	Bộ	08	590.384	4.723.072

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền (đồng)
		- Áo: vải Kate Ford Thành phần vải (%): POLYESTER: 65 Dung sai: ± 2 COTTON: 35 Dung sai ± 2 Mật độ: Dọc (Sợi/10cm): 254 Dung sai: ± 2; Ngang (Sợi/10cm): 274 Dung sai: ± 2; Khối lượng thực tế (g/m²): 161 Dung sai: ± 5; - Quần, mũ: vải Kaki lụa Thành phần vải (%): POLYESTER: 74 Dung sai: ± 2 VISCO/ COTTON/RAYON: 22 Dung sai: ± 2 SPANDEX: 4 Dung sai: ± 2 Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 470 Dung sai: ± 2; Ngang (Sợi/10cm) 343 Dung sai: ± 2 Khối lượng thực tế (g/m²): 255 Dung sai: ± 5 Độ bền kéo đứt: Dọc (N) 1494.3 Dung sai: ± 2; Ngang (N) 895.4 Dung sai: ± 2; Màu sắc: Áo, quần, mũ màu xanh đen. Kích thước: May đo size số theo từng nhân viên. - In logo Trung tâm Y tế Khu vực Thanh Khê.				
8	Trang phục Nhân viên Khối hành chính, Viện phí	Áo sơ mi cổ đức, cài cúc giữa, có khuy cài biển tên trên ngực trái, dài tay hoặc ngắn tay. Quần âu hai ly, 2 túi chéo hoặc chân váy juyp dài ngang gối. Chất liệu: - Áo: Kate Mỹ Thành phần vải (%):	Bộ	48	590.384	28.338.432

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền (đồng)
		POLYESTER: 82 Dung sai: ± 2; RAYON/ VISCO: 18 Dung sai ± 2; Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 377 Dung sai ± 2; Ngang (Sợi/10cm) 307 Dung sai ± 2; Khối lượng thực tế (g/m²): 113 Dung sai ± 5; Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 648.1 Dung sai ± 2; Ngang (N): 714.7 Dung sai ± 2; - Quần/chân váy: vải Kaki lụa Thành phần vải (%): POLYESTER: 73 Dung sai: ± 2; COTTON/ VISCO/RAYON: 23 Dung sai: ± 2; SPANDEX: 4 Dung sai: ± 3; Mật độ: Dọc (Sợi/10cm): 455 Dung sai ± 2; Ngang (Sợi/10cm): 340 Dung sai ± 2; Khối lượng thực tế (g/m²): 258 Dung sai ± 5; Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 1497.3 Dung sai ± 2; Ngang (N): 1108.3 Dung sai ± 2 Màu sắc: Áo màu trắng, quần/chân váy màu đen. Kích thước: May đo size số theo từng nhân viên.				
Tổng cộng:			**Bộ**	**385**		**191.603.140**
(Bằng chữ: Một trăm chín mươi mốt triệu, sáu trăm lẻ ba nghìn, một trăm bốn mươi đồng)						